TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12- TP. HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93 /2026/DS-ST
Ngày 29/5/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thọ
2. Bà Hoàng Thị Tuyết

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12, thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Đậu Thị Ánh – *Kiểm sát viên.*

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2023/TLST-KDTM ngày 07/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2026/QĐXXST-DS ngày 05/5/2026; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T1 (Ngân hàng T1);

Địa chỉ: Số A T, phường N, quận H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Số A L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T – Tổng Giám đốc.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Nhật H – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 138/2025/GUQ-VCBNeo ngày 11/3/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng T1).

+ Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Ông Lê Đăng B- chức vụ: chuyên viên cao cấp Ban Công nợ;
2. Ông Nguyễn Văn L- chức vụ: Giám đốc Phòng G;
3. Ông Trần Hoài P- chức vụ: Chuyên viên khách hàng bán lẻ;

(Theo Giấy ủy quyền số 674/2025/GUQ-VCBNeo ngày 08/5/2025 của Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng T1).

- *Bị đơn:* Ông Chung Nhật N, sinh năm 1992;

Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm gia số 01 Công an thành phố H (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/8/2022, Ngân hàng T2 (nay đổi tên thành Ngân hàng T1- gọi tắt là Ngân hàng) đã ký với ông Chung Nhật N 01 (một) Hợp đồng tín dụng số 170/2022/LOS22/MG001/HĐTD/070. Theo đó, Ngân hàng cho ông Chung Nhật N vay số tiền 1.430.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng); Mục đích vay là để bù đắp tiền mua căn hộ chung cư đã có Giấy chứng nhận quyền sơ hữu; Thời hạn vay là 240 tháng (từ ngày 31/8/2022 đến ngày 31/8/2042); Lãi suất vay là 7,8%/năm; Lãi trên nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi trên nợ lãi quá hạn là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Thời hạn trả nợ: Ngày trả nợ gốc là vào ngày 15 hàng tháng; ngày trả nợ lãi là vào ngày 15 hàng tháng; nợ gốc được trả thành 240 kỳ;

Để bảo đảm khoản vay trên, ông Chung Nhật N đã thế chấp là Căn hộ chung cư số B03-6 Chung cư B có diện tích 53,43m^2 thuộc thửa 45, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV255234 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 08/5/2010. Ông N đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 170/2022/LOS22/MG001/HĐTC/070 ngày 30/8/2022 được công chứng tại Văn phòng C1 (số công chứng: 3018, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD), đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 30/8/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 15/5/2023, ông N đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 71.453.258 đồng (bảy mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc đã trả là 29.862.085 đồng, nợ lãi đã trả là 41.591.173 đồng.

Do ông Chung Nhật N đã vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký nên ngày 20/6/2023, Ngân hàng đã ban hành Quyết định số 919/2023/QĐ-CB về việc chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn cả gốc và lãi của ông Chung Nhật N.

Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Chung Nhật N phải thanh toán tổng số nợ tính đến ngày 29/5/2026 là 1.944.053.822đ (một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm năm mươi ba ngàn, tám trăm hai mươi hai đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc là: 1.400.137.915 đồng.
+ Nợ lãi trong hạn: 46.678.097 đồng.
+ Nợ lãi quá hạn: 482.650.604 đồng.
+ Nợ lãi chậm trả lãi: 14.557.206 đồng.

Trong trường hợp ông N không thực hiện việc thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn là ông Chung Nhật N trình bày: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Chung Nhật N vắng mặt vì đang bị tạm giam tại Trại giam C2- Công an thành

phố H. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2026, ông N xác nhận còn nợ Ngân hàng T2 (nay đổi tên thành Ngân hàng T1- gọi tắt là Ngân hàng), tuy nhiên hiện ông N đang bị tạm giam nên không có điều kiện để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện thì ông đồng ý trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và đồng ý để Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 (một) Căn hộ chung cư số B Chung cư B, có diện tích sàn là 53,43m^2 thuộc thửa 45, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV255234 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 08/5/2010 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Đồng thời, ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48; Thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 35, 39; Tư cách người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 70, 71, 72; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa; Nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là ông Chung Nhật N đã được triệu tập hợp lệ nhưng do ông N đang bị tạm giam nên không thể tham gia nên có đơn xin giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T2 (nay đổi tên thành Ngân hàng T1)

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng T2 (nay đổi tên thành Ngân hàng T1 Công nghệ số) với ông Chung Nhật N đều có mục đích bù đắp tiền mua căn hộ chung cư, nay có phát sinh tranh chấp nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Trước khi bị tạm giam, bị đơn có địa chỉ cư trú tại số D N, tổ E, khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường nên căn cứ các Điều 30, 35, 39 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn là ông Chung Nhật N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 30/8/2022, Ngân hàng T2 (nay đổi tên thành Ngân hàng T1) đã ký với ông C Nhật Nam Hợp đồng tín dụng số 170/2022/LOS22/MG001/HĐTD/070. Theo đó, Ngân hàng T1 Công nghệ Số cho ông Chung Nhật N vay số tiền 1.430.000.000 đồng (Bằng chữ: một tỷ, bốn trăm ba mươi triệu đồng); Mục đích vay là để để bù đắp tiền mua căn hộ chung cư đã có Giấy chứng nhận quyền sơ hữu; Thời hạn vay là 240 tháng (từ ngày 31/8/2022 đến ngày 31/8/2042); Lãi suất vay là 7,8%/năm; Lãi trên nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi trên nợ lãi quá hạn là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Thời hạn trả nợ: Ngày trả nợ gốc là vào ngày 15 hàng tháng; ngày trả nợ lãi là vào ngày 15 hàng tháng; nợ gốc được trả thành 240 kỳ. Do phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo như hợp đồng đã ký kết. Nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán tổng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/5/2026 là 1.944.053.822đ (một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm năm mươi ba ngàn, tám trăm hai mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc là 1.400.137.915 đồng, N1 lãi trong hạn là 46.678.097 đồng, nợ lãi quá hạn là 482.650.604 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 14.557.206 đồng; Và tiền lãi phát sinh cho đến khi ông N trả hết nợ.

Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc thì thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông N đã nhận đủ số tiền vay 1.430.000.000 đồng, tuy nhiên tính đến ngày 15/5/2023, ông N chỉ trả cho Ngân hàng số tiền 71.453.258 đồng (bảy mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi ba ngàn, hai trăm năm mươi tám đồng). Nên ngày 20/6/2023, Ngân hàng đã ban hành Quyết định số 919/2023/QĐ-CB về việc chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn cả nợ gốc và nợ lãi của ông Chung Nhật N.

Xét yêu cầu tính lãi thì thấy: Quá trình các bên ký kết hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận với nhau về lãi suất vay là 7,8%/năm, lãi trên nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và lãi trên nợ lãi quá hạn là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Bị đơn chỉ thanh toán tiền lãi từ tháng 09/2022 đến tháng 12/2022 với số tiền nợ lãi đã trả là 41.591.173 đồng. Vù vậy, tính đến thời điểm xét xử ngày 29/5/2026 thì ông N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.400.137.915 đồng nên số nợ lãi trong hạn tính trên dư nợ gốc là 46.678.097 đồng và nợ lãi quá hạn là 482.650.604 đồng. Việc ông N ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, mức lãi suất quá hạn và lãi chậm trả cũng được thể hiện rõ trong Hợp đồng tín dụng. Căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 4 Điều 12 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 thì việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% của lãi trong hạn, lãi chậm trả là 10%/năm là hoàn toàn phù hợp.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/5/2026 là 1.944.053.822đ (một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm năm mươi ba ngàn, tám trăm hai mươi hai đồng); trong đó: Nợ gốc là 1.400.137.915 đồng, N1 lãi trong hạn là 46.678.097 đồng, nợ lãi quá hạn là 482.650.604 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 14.557.206 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở để chấp nhận.

Tài sản bảo đảm cho các khoản nợ: Để bảo đảm khoản vay trên, ông Chung Nhật N đã thế chấp là 01 (một) Căn hộ chung cư số B Chung cư B, có diện tích sàn là 53,43m^2 thuộc thửa 45, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV255234 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 08/5/2010 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ông N đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 170/2022/LOS22/MG001/HĐTC/070 ngày 30/8/2022 được công chứng tại Văn phòng C1 (số công chứng: 3018, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD), đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 30/8/2022. Nên hợp đồng thế chấp được công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ thì phía nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán cho khoản nợ vay.

[3] Về chi phí tố tụng, xem xét thẩm định tài sản: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000đ (tám triệu đồng), số tiền này nguyên đơn đã đóng tạm ứng, vì vậy bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000đồng (1% x 1.944.053.822 đồng) = 70.321.614đ (bảy mươi triệu, ba trăm hai mươi mốt ngàn, sáu trăm mười bốn đồng). Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 30, Điều 40; Điều 147; Điều 157; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91; Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T2 (nay đổi tên thành Ngân hàng T1) về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với ông Chung Nhật N.

Buộc ông Chung Nhật N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T1 Công nghệ số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/5/2026 là 1.944.053.822đ (một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm năm mươi ba ngàn, tám trăm hai mươi hai đồng); trong đó: Nợ gốc là 1.400.137.915 đồng, N1

lãi trong hạn là 46.678.097 đồng, nợ lãi quá hạn là 482.650.604 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 14.557.206 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Chung Nhật N không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là 01 (một) Căn hộ chung cư số B Chung cư B, có diện tích sàn là 53,43m^2 thuộc thửa 45, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV255234 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 08/5/2010 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ông N đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 170/2022/LOS22/MG001/HĐTC/070 ngày 30/8/2022 được công chứng tại Văn phòng C1 (số công chứng: 3018, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD), đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 30/8/2022

3. Về chi phí tố tụng, xem xét thẩm định tài sản: Do yêu cầu của Ngân hàng T1 Công nghệ số được Tòa án chấp nhận nên bị đơn là ông Chung Nhật N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000đ (tám triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng T1 đã đóng tạm ứng, vì vậy ông N phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng T1.

4. Về án phí: Ông Chung Nhật N phải nộp 70.321.614đ (bảy mươi triệu, ba trăm hai mươi mốt ngàn, sáu trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng T1 Công nghệ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.550.000đ (hai mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000763 ngày 03/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 thành phố Hồ Chí Minh).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

5. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo trình tự thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND, VKSND Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND KV12, Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 12, Tp Hồ Chí Minh
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Thu Hà